



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



Thành viên hãg AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phó Chủ tịch
Ông Lưu Tuấn Anh	Thành viên
Ông Đinh Văn Thọ	Thành viên
Ông Lưu Minh Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Hoan	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sinh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Tâm	Thành viên
Ông Vũ Doãn Quân	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lưu Huy Hà - Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Số: 032801/2025/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hoàng Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền 113.817.786.898 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 79.003.304.325 đồng). Lũy kế của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 268.736.095.880 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 235.712.178.540 đồng). Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2024 đang âm 1.306.135.671 đồng (năm 2023 âm 13.157.682.064 đồng). Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh trên.



Nguyễn Như Phương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2023-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Dư Thị Kiều Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5193-2025-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.793.667.160	7.011.238.059
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		73.870.006	103.529.858
1. Tiền	111	V.1	73.870.006	103.529.858
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.093.479.281	5.942.068.779
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.064.238.062	5.216.578.014
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	374.597.573	498.082.215
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	654.643.646	227.408.550
III. Hàng tồn kho	140	V.7	323.910.021	719.658.987
1. Hàng tồn kho	141		323.910.021	719.658.987
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		302.407.852	245.980.435
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	297.385.888	173.523.563
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	5.021.964	72.456.872
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		200.313.244.725	227.301.679.492
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	500.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	500.000.000
II. Tài sản cố định	220		149.978.414.258	185.984.322.125
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	149.954.001.369	185.942.309.232
- Nguyên giá	222		364.043.034.271	438.077.339.442
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(214.089.032.902)	(252.135.030.210)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	24.412.889	42.012.893
- Nguyên giá	228		163.000.000	163.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(138.587.111)	(120.987.107)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	14.486.154.613	-
- Nguyên giá	231		19.144.697.736	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.658.543.123)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.586.494.750	10.349.024.649
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	5.586.494.750	10.349.024.649
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.009.130.004	30.071.848.335
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	30.000.000.000	30.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.391.171.185)	(1.205.696.542)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	1.400.301.189	1.277.544.877
VI. Tài sản dài hạn khác	260		253.051.100	396.484.383
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	253.051.100	396.484.383
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		204.106.911.885	234.312.917.551


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		117.674.925.058	114.857.013.384
I. Nợ ngắn hạn	310		117.611.454.058	86.014.542.384
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	5.665.340.657	7.974.010.764
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		126.496.000	6.500.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	328.776.314	251.038.208
4. Phải trả người lao động	314		2.154.725.000	2.273.098.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	7.155.873	4.003.510.799
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	1.161.936.875	827.240.956
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	21.034.126.217	4.718.798.355
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	87.132.897.122	59.466.845.302
II. Nợ dài hạn	330		63.471.000	28.842.471.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	63.471.000	42.471.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	-	28.800.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		86.431.986.827	119.455.904.167
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	86.431.986.827	119.455.904.167
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		348.963.540.000	348.963.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		348.963.540.000	348.963.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		932.107.220	932.107.220
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.272.435.487	5.272.435.487
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(268.736.095.880)	(235.712.178.540)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(235.712.178.540)	(192.471.654.968)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(33.023.917.340)	(43.240.523.572)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		204.106.911.885	234.312.917.551


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập


Trịnh Thị Xinh
Phụ trách Kế toán



Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 03 năm 2025



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		40.831.422.035	61.473.688.339
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	40.831.422.035	61.473.688.339
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	61.757.538.873	87.249.526.807
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(20.926.116.838)	(25.775.838.468)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	153.209.844	82.491.847
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.404.117.525	5.510.331.462
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.218.642.882	5.204.735.757
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	10.355.759.233	10.956.893.187
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(33.532.783.752)	(42.160.571.270)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	573.144.578	57.855.869
12. Chi phí khác	32	VI.7	64.278.166	1.142.289.755
13. Lợi nhuận khác	40		508.866.412	(1.084.433.886)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(33.023.917.340)	(43.245.005.156)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	(4.481.584)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(33.023.917.340)	(43.240.523.572)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập


Trịnh Thị Xinh
Phụ trách Kế toán





Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(33.023.917.340)	(43.245.005.156)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	19.676.245.398	21.053.517.652
Các khoản dự phòng	03	185.474.643	305.595.705
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(106.707)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(514.074.265)	101.956.492
Chi phí lãi vay	06	2.218.642.882	5.204.735.757
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(11.457.628.682)	(16.579.306.257)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	3.240.426.216	(6.276.335.707)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	395.748.966	417.174.177
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	11.498.680.679	7.293.653.822
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	19.570.958	3.715.262.771
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.002.933.808)	(1.724.532.118)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(3.598.752)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.306.135.671)	(13.157.682.064)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(247.575.630)	-
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2.534.541.770	10.254.545.454
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	123.457.859	622.268
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.410.423.999	10.255.167.722
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	100.874.825.195	63.628.192.216
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(102.008.773.375)	(60.855.222.419)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.133.948.180)	2.772.969.797
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(29.659.852)	(129.544.545)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	103.529.858	232.967.696
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	106.707
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	73.870.006	103.529.858


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập


Trịnh Thị Xinh
Phụ trách Kế toán




Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000272301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 25 tháng 09 năm 2001. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 cấp ngày 16 tháng 08 năm 2022.

Vốn điều lệ là 348.963.540.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám tỷ, chín trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc tại ngày 25/04/2023 theo Thông báo số 1118/TB-SGDHN ngày 27/03/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Hiện tại, cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu HHG trên thị trường này là ngày 09/05/2023.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ vận tải và kinh doanh thương mại (bán xe, phụ tùng).

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong năm bao gồm:

- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh;
- Kinh doanh ô tô, xăng dầu;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát; và
- Cho thuê văn phòng và cho thuê nhà.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

7. Nhân viên

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 170 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 192 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền 113.817.786.898 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 79.003.304.325 đồng). Lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 268.736.095.880 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 235.712.178.540 đồng). Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2024 đang âm 1.306.135.671 đồng (năm 2023 âm 13.157.682.064 đồng). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình hiện tại đã hoàn thành xong giai đoạn giải phóng mặt bằng. Công ty sẽ tập trung nguồn lực để đầu tư, xây dựng Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình theo tiêu chuẩn bến xe khách loại I thành phố Thái Bình. Dự án này hoàn thành sẽ đảm bảo mang lại nguồn thu đáng kể cho Công ty.
- Công ty đã thực hiện ký hợp đồng chuyển nhượng số 52/2025/HĐCN-HH-TPM ngày 24/02/2025 với Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Phong Mới về chuyển nhượng toàn bộ dự án Văn phòng Công ty - Bến xe khách Công ty Cổ phần Hoàng Hà tại số 368 Lý Bôn, Phường Tiền Phong, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Công ty cũng tìm kiếm thêm nguồn hỗ trợ tài chính với lãi suất ưu đãi từ các cổ đông và Ban lãnh đạo của Công ty.
- Giảm nợ vay các tổ chức tín dụng để giảm chi phí lãi vay phát sinh hàng tháng phải trả.
- Công ty đang tăng cường, điều chỉnh công tác quản lý cho phù hợp như: mở rộng việc khoán doanh thu cho các bộ phận, phòng ban trực tiếp tham gia sản xuất nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh, cải thiện đời sống người lao động và tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng đang tìm kiếm các khoản thu khác như thanh lý với một số xe ô tô cũ, không thích hợp sử dụng. Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh lý một số phương tiện vận tải và thu được toàn bộ số tiền là 2.534.541.770 đồng. Qua đó, có nguồn tài chính để trang trải, đầu tư đổi mới phương tiện vận tải xe khách, nhằm nâng cao năng suất và chất lượng, dịch vụ.
- Công ty thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý, chi phí gián tiếp,... Ví dụ, Công ty đã xây dựng quy định về sử dụng điện tại cơ quan nhằm hướng dẫn CBCNV có ý thức, trách nhiệm tiết kiệm điện. Thường xuyên kiểm tra công tác tiết kiệm điện trong cơ quan.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn cũng như các khoản hỗ trợ đầu tư các dự án đang triển khai của Ngân hàng. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc thiết bị	04 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 10
Tài sản cố định khác	20

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

	<u>Số năm</u>
Hệ điều hành taxi và phần mềm	05

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm cho nhà cửa vật kiến trúc.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe, chi phí mua bảo hiểm...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	69.211.084	73.507.471
Tiền gửi ngân hàng	4.658.922	30.022.387
Cộng	73.870.006	103.529.858

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.400.301.189	1.277.544.877
Cộng	1.400.301.189	1.277.544.877

- (*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình với gốc ban đầu là 1.190.000.000 đồng (lãi nhập gốc 210.301.189 đồng). Lãi suất là 4,2%/năm. Khoản tiền gửi này được đảm bảo cho việc xây dựng dự án Bến xe khách phía Tây Thái Bình.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Thương mại Tiền Phong Mới	1.403.624.200	-
Công ty TNHH Một thành viên Bến xe khách phía Tây Thái Bình	482.851.000	482.851.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Kim Long - Thái Bình	-	3.985.588.800
Khách hàng khác	177.762.862	748.138.214
Cộng	2.064.238.062	5.216.578.014
b) Phải thu các bên liên quan		
Trong đó khách hàng là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)	537.307.110	679.622.413

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại tỉnh Hưng Yên - Nhà máy Ô tô Cửu Long	173.197.573	282.248.882
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Hà Nội	140.000.000	140.000.000
Các nhà cung cấp khác	61.400.000	75.833.333
Cộng	374.597.573	498.082.215

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	514.000.000	-
Phải thu khác	140.643.646	227.408.550
Cộng	654.643.646	227.408.550
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	500.000.000
Cộng	-	500.000.000

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm, phí đăng kiểm xe	287.217.338	159.266.049
Chi phí trả trước khác	10.168.550	14.257.514
Cộng	297.385.888	173.523.563
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	245.949.878	393.032.519
Chi phí trả trước khác	7.101.222	3.451.864
Cộng	253.051.100	396.484.383

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. HÀNG TỒN KHO

Nguyên liệu, vật liệu
Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	323.910.021	-	719.658.987	-
	323.910.021	-	719.658.987	-

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

a) Các khoản phải thu

Thuế nhà đất, tiền thuê đất
Thuế môn bài
Thuế, phí, lệ phí khác
Cộng

	Số cuối năm		Số phải nộp trong năm		Số thực nộp/bù trừ trong năm		Số đầu năm	
	VND		VND		VND		VND	
	-		273.961.187		206.563.050		67.398.137	
	5.000.000		4.000.000		4.000.000		5.000.000	
	21.964		36.771		-		58.735	
	5.021.964		277.997.958		210.563.050		72.456.872	

b) Các khoản phải nộp

Thuế giá trị gia tăng
Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thuế thu nhập cá nhân
Thuế, phí, lệ phí khác
Cộng

	190.002.074	2.495.116.462	2.409.252.799	104.138.411
	138.774.240	-	-	138.774.240
	-	-	7.521.300	7.521.300
	-	61.870.226	62.474.483	604.257
	328.776.314	2.556.986.688	2.479.248.582	251.038.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày đầu năm	221.549.736.357	28.002.809.214	145.502.095.545	43.022.698.326	-	438.077.339.442
Mua trong năm	-	-	247.575.630	-	-	247.575.630
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.854.525.932)	(53.282.657.133)	-	-	(55.137.183.065)
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(19.144.697.736)	-	-	-	-	(19.144.697.736)
Phân loại lại	(1.140.000.000)	-	-	-	1.140.000.000	-
Tại ngày cuối năm	201.265.038.621	26.148.283.282	92.467.014.042	43.022.698.326	1.140.000.000	364.043.034.271
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày đầu năm	69.865.088.834	26.844.361.323	127.211.261.509	28.214.318.544	-	252.135.030.210
Khấu hao trong năm	7.793.722.826	310.579.001	5.818.601.813	5.735.741.754	-	19.658.645.394
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.819.672.732)	(51.226.426.847)	-	-	(53.046.099.579)
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(4.658.543.123)	-	-	-	-	(4.658.543.123)
Phân loại lại	(593.750.000)	-	-	-	593.750.000	-
Tại ngày cuối năm	72.406.518.537	25.335.267.592	81.803.436.475	33.950.060.298	593.750.000	214.089.032.902
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	151.684.647.523	1.158.447.891	18.290.834.036	14.808.379.782	-	185.942.309.232
Tại ngày cuối năm	128.858.520.084	813.015.690	10.663.577.567	9.072.638.028	546.250.000	149.954.001.369

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 5.284.763.672 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 162.177.290.638 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 77.391.874.902 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 117.498.091.253 đồng).

Dự án Văn phòng Công ty - Bến xe khách Công ty Cổ phần Hoàng Hà tại số 368 Lý Bôn, Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình được chuyển nhượng trong năm 2025 theo Hợp đồng chuyển nhượng số 52/2025/HĐCN-HH-TPM ngày 24/02/2025 với Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Phong Mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu năm	163.000.000	163.000.000
Tại ngày cuối năm	163.000.000	163.000.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu năm	120.987.107	120.987.107
Khấu hao trong năm	17.600.004	17.600.004
Tại ngày cuối năm	138.587.111	138.587.111
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	42.012.893	42.012.893
Tại ngày cuối năm	24.412.889	24.412.889

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu năm	-	-
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	19.144.697.736	19.144.697.736
Tại ngày cuối năm	19.144.697.736	19.144.697.736
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu năm	-	-
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	4.658.543.123	4.658.543.123
Tại ngày cuối năm	4.658.543.123	4.658.543.123
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	14.486.154.613	14.486.154.613

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 14.486.154.613 đồng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Bến xe phía Tây Thái Bình (*)	5.586.494.750	10.349.024.649
Cộng	5.586.494.750	10.349.024.649

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (TIẾP THEO)

(*) Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình được thực hiện theo Hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất số 01/HĐ-SDD ngày 22 tháng 04 năm 2022 (thay thế cho Hợp đồng số 03/HĐ-BOO ngày 12 tháng 02 năm 2018) ký giữa Sở giao thông vận tải Thái Bình và Công ty Cổ phần Hoàng Hà. Quy mô diện tích của dự án là 47.683 m². Thời gian chuẩn bị và thi công xây dựng công trình là 18 tháng kể từ ngày bàn giao toàn bộ mặt bằng dự án cho nhà đầu tư. Thời gian quản lý và khai thác là 50 năm. Tổng vốn đầu tư tạm tính của dự án là 118.983.000.000 đồng. Hiện tại, dự án đã hoàn thiện xong quá trình giải phóng mặt bằng.

Về mặt tiến độ thực hiện, theo Công văn số 3505/STNMT-QLĐĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình, khu đất quy hoạch dự án đầu tư xây dựng bến xe khách phía Tây tiếp giáp với đường quy hoạch số 2. Hiện tại, đường gom tuyến S1 và đường quy hoạch số 2. Hiện tại, đường gom tuyến S1 chưa đầu tư xây dựng; đường quy hoạch số 2 UBND tỉnh đã có quyết định giao đất để xây dựng đường nhưng đến nay chưa hoàn thành. Như vậy, khu đất thực hiện dự án chưa có đường vào nên dự án chưa thể tiếp tục thực hiện.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	100%	30.000.000.000	(1.391.171.185)	30.000.000.000 (1.205.696.542)
Cộng		30.000.000.000	(1.391.171.185)	30.000.000.000 (1.205.696.542)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Vận tải Ngọc Mai	5.004.499.600	5.004.499.600	5.004.499.600	5.004.499.600
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ điện tử Bình Anh	145.581.000	145.581.000	321.024.000	321.024.000
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	515.260.057	515.260.057	2.648.487.164	2.648.487.164
Cộng	5.665.340.657	5.665.340.657	7.974.010.764	7.974.010.764
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)	-	-	1.764.020.841	1.764.020.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn		
Trích trước chi phí lãi vay	7.155.873	4.003.510.799
Cộng	7.155.873	4.003.510.799
b) Chi phí phải trả ngắn hạn bên liên quan (xem thuyết minh VII.2)	-	183.003.000

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhận trước tiền thuê mặt bằng, thuê quảng cáo trên thân xe bus	1.161.936.875	827.240.956
Cộng	1.161.936.875	827.240.956

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	96.510.160	116.510.160
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	15.000.000.000	21.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	4.191.626.770	4.143.137.770
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.745.989.287	438.150.425
Cộng	21.034.126.217	4.718.798.355
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	63.471.000	42.471.000
Cộng	63.471.000	42.471.000
c) Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (xem thuyết minh VII.2)	4.191.626.770	4.143.137.770

(*) Khoản nhận tiền đặt cọc của Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Phong Mới về việc chuyển nhượng toàn bộ dự án Văn phòng Công ty - Bến xe khách Công ty Cổ phần Hoàng Hà tại số 368 Lý Bôn, Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo hợp đồng nguyên tắc số 266.24/HĐCND-THH-TPM ngày 01 tháng 11 năm 2024.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty Cổ phần Hoàng Hà đã đăng ký điều chỉnh Dự án văn phòng Công ty – Bến xe khách và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký điều chỉnh lần thứ ba số 7768245672 ngày 08 tháng 01 năm 2025 điều chỉnh nhà đầu tư (từ Công ty Cổ phần Hoàng Hà sang cho Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Phong mới do 02 bên thỏa thuận chuyển nhượng dự án).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	4.832.897.122	4.832.897.122	17.074.825.195	38.929.184.907	26.687.256.834	26.687.256.834
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	4.832.897.122	4.832.897.122	17.074.825.195	21.329.829.582	9.087.901.509	9.087.901.509
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	-	-	-	17.599.355.325	17.599.355.325	17.599.355.325
Vay cá nhân, tổ chức	74.100.000.000	74.100.000.000	65.000.000.000	15.100.000.000	24.200.000.000	24.200.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Bến xe khách phía Tây Thái Bình (ii)	24.100.000.000	24.100.000.000	-	100.000.000	24.200.000.000	24.200.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Phong Mới (iii)	50.000.000.000	50.000.000.000	65.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	8.200.000.000	8.200.000.000			8.579.588.468	8.579.588.468
Cộng	87.132.897.122	87.132.897.122			59.466.845.302	59.466.845.302
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn là các bên liên quan	24.100.000.000	24.100.000.000			24.200.000.000	24.200.000.000

(xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/416446/HĐTD ngày 28 tháng 11 năm 2024. Ngân hàng cấp cho Công ty hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 5.900.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 28 tháng 11 năm 2025. Thời hạn cho vay, lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là các hợp đồng thế chấp cụ thể.
- (ii) Khoản vay Công ty TNHH Một thành viên Bến xe khách phía Tây Thái Bình theo Hợp đồng vay tiền số HĐVT01/2022 ngày 15 tháng 01 năm 2022 và phụ lục gia hạn hợp đồng số 01/PLHĐ2024 ngày 15 tháng 01 năm 2024. Tổng số tiền vay là 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay trong vòng 12 tháng. Lãi suất vay không kỳ hạn là 0,2%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Phong Mới theo hợp đồng vay tiền số 0405/2024/HHG-TPM ngày 04 tháng 05 năm 2024 và phụ lục gia hạn hợp đồng số 0405/2024/HHG-TPM-PL01 ngày 04 tháng 11 năm 2024. Số tiền vay là 65.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay để thực hiện các hoạt động đầu tư kinh doanh hợp pháp theo quy định. Thời hạn vay đến hết ngày 04 tháng 05 năm 2025. Lãi suất cho vay là 2,9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	-	-	-	8.579.588.468	8.579.588.468	8.579.588.468
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình	-	-	-	4.947.310.444	4.947.310.444	4.947.310.444
Vay dài hạn cá nhân, tổ chức						
Ông Nguyễn Hữu Hoan (i)	8.200.000.000	8.200.000.000	18.800.000.000	39.400.000.000	28.800.000.000	28.800.000.000
Ông Lưu Huy Hà (ii)	3.900.000.000	3.900.000.000	4.900.000.000	18.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
Trừ: Các khoản vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	4.300.000.000	4.300.000.000	13.900.000.000	21.400.000.000	11.800.000.000	11.800.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình	8.200.000.000	8.200.000.000	-	-	8.579.588.468	8.579.588.468
Ông Nguyễn Hữu Hoan	-	-	-	4.947.310.444	4.947.310.444	4.947.310.444
Ông Lưu Huy Hà	3.900.000.000	3.900.000.000	-	-	3.632.278.024	3.632.278.024
Cộng	4.300.000.000	4.300.000.000	-	-	-	-
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn là các bên liên quan	8.200.000.000	8.200.000.000			28.800.000.000	28.800.000.000

(xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)

- (i) Khoản vay dài hạn ông Nguyễn Hữu Hoan theo hợp đồng vay tiền số 004HH/2023 ngày 04 tháng 04 năm 2023 với tổng số tiền cho vay theo hợp đồng là 20.000.000.000 đồng. Mục đích để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn khoản vay trong vòng 24 tháng. Lãi suất vay là 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay dài hạn ông Lưu Huy Hà theo hợp đồng vay tiền số 005HH/2023 ngày 01 tháng 07 năm 2023 với tổng số tiền cho vay theo hợp đồng là 20.000.000.000 đồng. Mục đích để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn khoản vay trong vòng 24 tháng. Lãi suất vay là 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	8.200.000.000	8.579.588.468
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	28.800.000.000
Cộng	8.200.000.000	37.379.588.468

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(192.471.654.968)	162.696.427.739
Lỗ trong năm	-	-	-	(43.240.523.572)	(43.240.523.572)
Số dư đầu năm nay	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(235.712.178.540)	119.455.904.167
Lỗ trong năm	-	-	-	(33.023.917.340)	(33.023.917.340)
Số dư cuối năm nay	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(268.736.095.880)	86.431.986.827

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.896.354	34.896.354
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đồng đô la Mỹ (USD)	-	135,21

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh thương mại; bộ phận cung cấp dịch vụ và bộ phận kinh doanh bất động sản (cho thuê).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí phi tiền tệ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động cho thuê VND	Tổng cộng VND
Năm 2024				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	11.304.466.092	24.369.815.012	5.157.140.931	40.831.422.035
Tổng doanh thu	11.304.466.092	24.369.815.012	5.157.140.931	40.831.422.035
Chi phí phân bổ	13.686.192.789	53.939.742.273	4.487.363.043	72.113.298.106
- Giá vốn hàng bán	10.819.128.081	47.759.013.701	3.179.397.091	61.757.538.873
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.867.064.708	6.180.728.572	1.307.965.952	10.355.759.233
Kết quả kinh doanh bộ phận	(2.381.726.697)	(29.569.927.261)	669.777.888	(31.281.876.071)
Doanh thu hoạt động tài chính				153.209.844
Chi phí tài chính				2.404.117.525
Lợi nhuận (lỗ) khác				508.866.412
Lợi nhuận trước thuế TNDN				(33.023.917.340)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	328.973.645	-	328.973.645
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.509.752.918	11.877.753.295	2.513.570.483	19.901.076.696
Số dư tại ngày 31/12/2024				
Tài sản bộ phận	173.197.573	202.465.173.050	1.468.541.262	204.106.911.885
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	173.197.573	202.465.173.050	1.468.541.262	204.106.911.885
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	117.674.925.058
Tổng nợ phải trả	-	-	-	117.674.925.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động cho thuê VND	Tổng cộng VND
Năm 2023				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	29.563.031.753	26.954.380.146	4.956.276.440	61.473.688.339
Tổng doanh thu	29.563.031.753	26.954.380.146	4.956.276.440	61.473.688.339
Chi phí phân bổ	33.475.629.302	61.631.053.344	3.099.737.348	98.206.419.994
- Giá vốn hàng bán	28.206.399.653	56.826.782.246	2.216.344.908	87.249.526.807
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.269.229.649	4.804.271.098	883.392.440	10.956.893.187
Kết quả kinh doanh bộ phận	(3.912.597.549)	(34.676.673.198)	1.856.539.092	(36.732.731.655)
Doanh thu hoạt động tài chính				82.491.847
Chi phí tài chính				5.510.331.462
Lợi nhuận (lỗ) khác				(1.084.433.886)
Lợi nhuận trước thuế TNDN				(43.245.005.156)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	47.867.271	-	47.867.271
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11.802.874.113	10.761.384.634	1.978.765.486	24.543.024.233
Số dư tại ngày 31/12/2023				
Tài sản bộ phận	617.248.882	229.319.308.456	4.376.360.213	234.312.917.551
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	617.248.882	229.319.308.456	4.376.360.213	234.312.917.551
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	114.857.013.384
Tổng nợ phải trả	-	-	-	114.857.013.384

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 368 đường Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Công ty cũng đều phát sinh tại tỉnh Thái Bình. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.831.422.035	61.473.688.339
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.369.815.012	26.954.380.146
- Doanh thu bán hàng hóa	11.304.466.092	29.563.031.753
- Doanh thu cho thuê	5.157.140.931	4.956.276.440
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.831.422.035	61.473.688.339
Doanh thu với các bên liên quan (xem chi tiết tại Thuyết minh VII.2)	270.909.089	569.917.040

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	47.759.013.701	56.826.782.246
Giá vốn hàng hóa đã bán	10.819.128.081	28.206.399.653
Giá vốn cho thuê	3.179.397.091	2.216.344.908
Cộng	61.757.538.873	87.249.526.807

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	70.615.981	82.385.140
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	143.863	106.707
Doanh thu hoạt động tài chính khác	82.450.000	-
Cộng	153.209.844	82.491.847

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	2.218.642.882	5.204.735.757
Dự phòng tổn thất đầu tư	185.474.643	305.595.705
Cộng	2.404.117.525	5.510.331.462

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.549.743.216	4.385.291.024
Chi phí phân bổ	51.714.529	711.709.480
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.322.467.708	3.397.668.089
Thuế, phí và lệ phí	302.510.486	171.601.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.946.320.428	1.854.889.259
Chi phí bằng tiền khác	183.002.866	435.734.026
Cộng	10.355.759.233	10.956.893.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu thanh lý nhượng bán tài sản	443.458.284	-
Các khoản thu nhập khác	129.686.294	57.855.869
Cộng	573.144.578	57.855.869

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	-	184.341.632
Các khoản phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế	64.278.166	475.272.326
Chi phí khác	-	482.675.797
Cộng	64.278.166	1.142.289.755

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(33.023.917.340)	(43.245.005.156)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	2.390.752.063	5.823.862.306
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	<i>2.390.752.063</i>	<i>5.823.862.306</i>
+ Các khoản phạt	64.278.166	475.272.326
+ Chi phí lãi vay giao dịch liên kết	2.148.026.901	5.122.350.617
+ Chi phí không được trừ khác	178.446.996	226.239.363
Thu nhập chịu thuế TNDN	(30.633.165.277)	(37.421.142.850)
Điều chỉnh khác	-	(4.481.584)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN các năm trước theo biên bản thanh tra thuế	-	(4.481.584)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	(4.481.584)

9. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không tính chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu, trường hợp Công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.111.747.179	26.005.355.045
Chi phí nhân công	14.655.166.390	14.428.443.094
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.676.245.398	21.053.517.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.326.741.593	7.994.631.329
Chi phí khác bằng tiền	518.713.909	654.310.738
Cộng	61.288.614.469	70.136.257.858

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đã thực hiện ký kết các hợp đồng thuê đất, nộp tiền hàng năm với UBND tỉnh Thái Bình như sau:

Hợp đồng thuê đất số 22HĐ/TĐ ngày 14 tháng 03 năm 2005 thuê đất tại phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình với mục đích xây dựng bến xe ô tô khách. Thời gian thuê đất từ ngày 09 tháng 07 năm 2004 đến ngày 31 tháng 12 năm 2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 3.316,7 m². Hợp đồng thuê đất bổ sung số 101/HĐ/TĐ ngày 18/09/2007 điều chỉnh mục đích sử dụng đất từ "Xây dựng và mở rộng trung tâm điều hành, bãi vận chuyển hành khách du lịch - taxi" sang mục đích "xây dựng bến xe ô tô khách".

Hợp đồng thuê đất số 80HĐ/TĐ ngày 30 tháng 12 năm 2005 thuê đất tại phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình với mục đích xây dựng rãnh thoát nước kết hợp làm cống phụ. Thời gian thuê đất từ ngày 23 tháng 09 năm 2005 đến ngày 31 tháng 12 năm 2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 492,1 m².

Hợp đồng thuê đất số 30HĐ/TĐ ngày 21 tháng 04 năm 2008 thuê đất thuộc địa giới hành chính tại phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình với mục đích mở rộng bến xe khách. Thời gian thuê đất từ ngày 31 tháng 03 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 1.267,8 m².

Hợp đồng thuê đất số 37HĐ/TĐ ngày 28 tháng 04 năm 2005 thuê đất tại khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình với mục đích xây dựng xưởng sửa chữa - bảo dưỡng xe ô tô, nhà rửa xe liên hoàn, nhà để xe nội bộ, trạm cấp phát xăng dầu nội bộ, kho chứa hàng và phụ tùng. Thời gian thuê đất từ ngày 18 tháng 04 năm 2005 đến ngày 31 tháng 12 năm 2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 10.000 m².

Hợp đồng thuê đất số 112HĐ/TĐ ngày 27 tháng 12 năm 2013 thuê đất tại phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình với mục đích xây dựng trung tâm điều hành, bãi vận chuyển hành khách du lịch - taxi. Thời gian thuê đất từ ngày 20 tháng 12 năm 2013 đến ngày 30 tháng 12 năm 2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 31,2 m².

Hợp đồng thuê đất số 125HĐ/TĐ ngày 05 tháng 12 năm 2007 thuê đất thuộc địa giới hành chính phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình với mục đích mở rộng bến xe khách. Thời gian thuê đất từ ngày 26 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 5,4 m².

Phụ lục hợp đồng thuê đất số 60 PLHĐ ngày 14 tháng 08 năm 2023 điều chỉnh mục đích sử dụng đất nêu tại Hợp đồng thuê đất số 101HĐ/TĐ, 125HĐ/TĐ, 30HĐ/TĐ, 112HĐ/TĐ thành xây dựng văn phòng Công ty - Bến xe khách (Đất thương mại dịch vụ - TMD).

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn của hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh

Công ty Cổ phần Hoàng Tân

Ông Lưu Huy Hà

Ông Nguyễn Hữu Hoan

Các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân là người thân cận của thành viên chủ chốt.

Mối quan hệ

Công ty con

Ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc
Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT
và cổ đông lớn của Thái Bình Xanh

Ông Lưu Huy Hoàng - con trai ông
Lưu Huy Hà là đại diện pháp luật của
Hoàng Tân

Chủ tịch HĐQT

Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	270.909.089	569.917.040
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	270.909.089	569.917.040
Mua hàng	852.450.925	2.032.692.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	852.450.925	1.937.950.000
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	-	94.742.000
Đi vay	18.800.000.000	28.800.000.000
Ông Lưu Huy Hà	13.900.000.000	11.800.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	4.900.000.000	17.000.000.000
Trả gốc vay	39.500.000.000	5.100.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	100.000.000	500.000.000
Ông Lưu Tuấn Anh	-	4.600.000.000
Ông Lưu Huy Hà	21.400.000.000	-
Ông Nguyễn Hữu Hoan	18.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	48.489.000	173.463.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	48.489.000	48.696.000
Ông Lưu Tuấn Anh	-	124.767.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	537.307.110	679.622.413
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	54.456.110	148.771.413
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	-	48.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	482.851.000	482.851.000
Phải trả người bán ngắn hạn	-	1.764.020.841
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	-	1.584.651.821
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	-	179.369.020
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24.100.000.000	24.200.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	24.100.000.000	24.200.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8.200.000.000	28.800.000.000
Ông Lưu Huy Hà	4.300.000.000	11.800.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	3.900.000.000	17.000.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	4.191.626.770	4.143.137.770
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	4.191.626.770	4.143.137.770
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	183.003.000
Ông Lưu Tuấn Anh	-	183.003.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	339.457.000	439.695.000
Ông Lưu Huy Hà	120.000.000	201.645.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	36.000.000	36.000.000
Ông Đinh Văn Thọ	24.000.000	83.522.000
Ông Lưu Tuấn Anh	135.457.000	94.528.000
Ông Lưu Minh Sơn	24.000.000	24.000.000
Ban Tổng giám đốc	293.976.000	200.137.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	148.650.000	147.287.000
Ông Lê Văn Sinh	145.326.000	52.850.000
Ban kiểm soát	349.290.000	298.884.000
Bà Nguyễn Thu Hương	117.454.000	90.942.000
Bà Bùi Thị Tâm	127.127.000	118.561.000
Ông Vũ Doãn Quân	104.709.000	89.381.000
Cộng	982.723.000	938.716.000

3. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường: 100.874.825.195 đồng.

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:


- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường: 102.008.773.375 đồng.

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7768245672 điều chỉnh lần thứ ba. Nhà đầu tư Dự án Văn phòng Công ty - Bến xe khách tại số 368 Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (sau điều chỉnh) là Công ty Cổ phần Thương mại Tiền Phong Mới.


Theo đó ngày 24 tháng 02 năm 2025, Công ty đã ký kết Hợp đồng số 52/2025/HĐCN-HH-TPM với Công ty Cổ phần Thương mại Tiền Phong Mới về việc chuyển nhượng toàn bộ Dự án Văn phòng Công ty - Bến xe khách tại số 368 Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Tổng giá chuyển nhượng theo hợp đồng là 70.000.000.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập


Trịnh Thị Xinh
Phụ trách kế toán




Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 03 năm 2025